

Số: 4671/TTr-UBND

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 11 năm 2013

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết thông qua kế hoạch tổng biên chế công chức hành chính và tổng biên chế sự nghiệp năm 2014 của tỉnh Quảng Ngãi

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số:.....2089.....
	Ngày: 18/11/13.....
	Chuyên:.....

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 10/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình xây dựng Nghị quyết năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết thông qua kế hoạch tổng biên chế công chức hành chính và tổng biên chế sự nghiệp năm 2014 của tỉnh Quảng Ngãi, với các nội dung cụ thể như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT THÔNG QUA KẾ HOẠCH TỔNG BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC HÀNH CHÍNH VÀ TỔNG BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NĂM 2014 CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003; Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 về quản lý biên chế công chức; số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 quy định những người là công chức;

Căn cứ Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức; Thông tư số 05/2013/TT-BNV ngày 25/6/2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 36/2013/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

Theo quy định, đối với biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước: UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định biên chế công chức của tỉnh trên cơ sở danh mục vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức đã được Bộ Nội vụ phê duyệt; đối với biên chế sự nghiệp (số lượng người làm việc) trong các đơn vị sự nghiệp công lập: UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê

duyệt tổng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Nội vụ.

II. NỘI DUNG CỤ THỂ TRÌNH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÔNG QUA KẾ HOẠCH TỔNG BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC HÀNH CHÍNH VÀ TỔNG BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NĂM 2014 CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI

UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chức năng tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xây dựng Đề án vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh và Đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh để trình Bộ Nội vụ thẩm định, phê duyệt trước khi trình HĐND tỉnh. Tuy nhiên, trong khi chờ triển khai thực hiện quản lý biên chế công chức hành chính, sự nghiệp theo cơ chế mới, UBND tỉnh kính đề nghị HĐND tỉnh thống nhất giữ nguyên tổng biên chế công chức hành chính và tổng biên chế sự nghiệp năm 2014 của tỉnh Quảng Ngãi như năm 2013 (theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 12 /7/2012 của HĐND tỉnh), bởi vì:

- Theo Kết luận số 64-KL/TW ngày 28/5/2013 Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khóa XI một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị đã có chủ trương “Tiếp tục thực hiện chủ trương tinh giản biên chế, từ nay đến năm 2016 cơ bản không tăng tổng biên chế của cả hệ thống chính trị (trừ trường hợp lập thêm tổ chức hoặc được giao nhiệm vụ mới)”; đồng thời, ngày 17/9/2013 Bộ Nội vụ có Công văn số 3286/BNV-TCBC về việc thẩm định số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập quy định: “Năm 2013, Bộ Nội vụ chỉ quyết định hoặc thẩm định số lượng người làm việc tăng thêm trong các đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2012 đã được Bộ, cơ quan ngang Bộ giao hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao theo Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua”.

Theo đó, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh:

1. Thông qua kế hoạch tổng biên chế công chức hành chính năm 2014 của tỉnh là 2.671 biên chế (*cấp tỉnh: 1.432; cấp huyện, thành phố: 1.213; dự phòng để thực hiện luân chuyển cán bộ: 26*) để UBND tỉnh làm căn cứ chỉ đạo các sở, ngành, địa phương xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính và tổng hợp trình Bộ Nội vụ phê duyệt theo Nghị định số 36/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

Theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 12 /7/2012 của HĐND tỉnh thông qua kế hoạch tổng biên chế công chức hành chính năm 2013 của tỉnh là 2.671 (*cấp tỉnh: 1.438; cấp huyện, thành phố: 1.203; dự phòng để thực hiện luân chuyển cán bộ: 30*). Như vậy biên chế công chức năm 2014 so với biên chế công chức năm 2013 (theo Nghị quyết của HĐND), các chỉ tiêu thành phần có sự thay đổi, cụ thể:

- Cấp tỉnh giảm 06 biên chế vì Văn phòng Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng đã chuyển về Ban Nội chính Tỉnh ủy nên sử dụng 09 chỉ tiêu này dự kiến bổ sung tăng 03 chỉ tiêu cho Sở Y tế so với năm 2013 để tăng cường công tác thanh tra an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Cấp huyện tăng 10 biên chế vì dự kiến bổ sung tăng 10 chỉ tiêu cho UBND thành phố so với năm 2013 để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao sau khi thành phố Quảng Ngãi được điều chỉnh địa giới hành chính.

Như vậy, 09 chỉ tiêu của Văn phòng Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng sau khi trừ đi 03 chỉ tiêu giao cho Sở y tế và 06 chỉ tiêu giao cho UBND thành phố, còn thiếu 04 chỉ tiêu nên sử dụng biên chế dự phòng để bổ sung. Do đó biên chế dự phòng chỉ còn 26 chỉ tiêu so với năm 2013.

2. Thông qua kế hoạch tổng biên chế sự nghiệp năm 2014 của tỉnh là 25.305 người để UBND tỉnh làm căn cứ chỉ đạo các sở, ngành, địa phương xây dựng lại Đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập và tổng hợp trình Bộ Nội vụ thẩm định, trong đó:

- Sự nghiệp giáo dục:	19.780 biên chế;
- Sự nghiệp y tế:	3.358 biên chế;
- Sự nghiệp văn hoá:	554 biên chế;
- Sự nghiệp khác:	1.324 biên chế;
- Dự phòng:	289 biên chế (<i>trong đó dự phòng năm 2014 là 89 người và tiếp tục thực hiện Đề án của Tỉnh ủy là 200 người</i>).

Theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 12 /7/2012 của HĐND tỉnh quyết định tổng biên chế sự nghiệp năm 2013 của tỉnh là 25.305 người, trong đó:

- Sự nghiệp giáo dục:	19.771 biên chế;
- Sự nghiệp y tế:	3.358 biên chế;
- Sự nghiệp văn hoá:	554 biên chế;
- Sự nghiệp khác:	1.297 biên chế;
- Dự phòng:	325 biên chế (<i>trong đó dự phòng năm 2014 là 125 người và tiếp tục thực hiện Đề án của Tỉnh ủy là 200 người</i>).

Như vậy, biên chế sự nghiệp năm 2014 so với biên chế sự nghiệp năm 2013 (theo Nghị quyết của HĐND) các chỉ tiêu thành phần có sự thay đổi, cụ thể :

- Sự nghiệp giáo dục tăng 9 biên chế, vì UBND tỉnh đã sử dụng 08 chỉ tiêu biên chế dự phòng giao cho Trung tâm Dạy nghề - Giáo dục thường xuyên và hướng nghiệp huyện Lý Sơn 05 chỉ tiêu (đơn vị mới thành lập); Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ nông dân tỉnh 3; điều chuyển 01 chỉ tiêu sự nghiệp văn hóa từ Trung tâm Phát hành phim và chiếu bóng sang Trường

năng khiếu nghiệp vụ thể dục thể thao (sự nghiệp giáo dục) thuộc Sở Văn hóa thể thao và Du lịch. Đồng thời sử dụng 01 chỉ tiêu biên chế dự phòng bổ sung cho Phòng Văn hóa thông tin huyện Đức phổ 01 chỉ tiêu nên biên chế sự nghiệp văn hóa không đổi.

- Sự nghiệp khác tăng 27 biên chế, vì theo đề nghị của các cơ quan, đơn vị, UBND tỉnh đã sử dụng 27 chỉ tiêu biên chế dự phòng giao, bổ sung cho các đơn vị: Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật 02; Chi cục Biển và Hải đảo 01; Văn phòng Ban an toàn giao thông 03; Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh 04; UBND huyện Bình Sơn 01; Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh 05; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh 01 người (theo dõi Chương trình nông thôn mới); Hội Chữ thập đỏ tỉnh 01 người; Nhà Thiếu nhi thuộc Tỉnh Đoàn 03 người; Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng 05; Hội khuyến học 01.

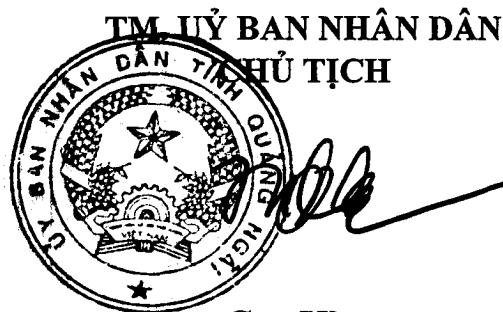
- Biên chế dự phòng giảm 36 chỉ tiêu, còn lại 89 chỉ tiêu.

(Có Kế hoạch và dự thảo Nghị quyết kèm theo)

Kính trình HĐND tỉnh xem xét thông qua để UBND tỉnh làm căn cứ xây dựng Đề án vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập và tổng hợp trình Bộ Nội vụ theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- VPUB: CVP, PCVP, KTTH, CBTH;
- Lưu: VT, NC_{nvhuuy546}.



Cao Khoa

KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NĂM 2014 CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Tờ trình số 4671/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	Biên chế giao năm 2013					Biên chế T/h đến 30/9/2013					Kế hoạch biên chế 2014					Ghi chú
		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				
			SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế	SN khác		SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế	SN khác		SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế	SN khác	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
I	CẤP TỈNH	8084	3659	284	3295	846	7327	3486	266	2848	727	8084	3659	284	3295	846	
	Văn phòng UBND tỉnh	15	0	0	0	15	14	0	0	0	14	15	0	0	0	15	
1	Trung tâm công báo và tin học	15				15	14				14	15				15	
	Sở Nội vụ	14	0	0	0	14	11	0	0	0	11	14	0	0	0	14	
2	Kho Lưu trữ chuyên dụng	14				14	11				11	14				14	
	Sở Lao động-TB và XH	180	75	0	0	105	130	69	0	0	61	180	75	0	0	105	
3	Trung tâm bảo trợ xã hội	28				28	16				16	28				28	
4	Trung tâm giới thiệu việc làm	7				7	7				7	7				7	
5	Trung tâm điều dưỡng người có công	13				13	12				12	13				13	
6	Trường Trung cấp nghề tỉnh Quảng Ngãi	50	50				49	49				50	50				
7	Trường Trung cấp nghề Đức Phổ	25	25				20	20				25	25				
8	Thường trực BCĐ xóa đói giảm nghèo	7				7	7				7	7				7	
9	Trung tâm giáo dục Lao động - Xã hội	18				18	9				9	18				18	
10	Ban vì sự tiến bộ phụ nữ	1				1	1				1	1				1	
11	Quỹ bảo trợ trẻ em	4				4	4				4	4				4	
12	BĐH Trường CĐ nghề Việt Nam-Hàn Quốc-QN	27				27	5				5	27				27	
	Sở Nông nghiệp và PTNT	375	0	0	0	375	335	0	0	0	335	375	0	0	0	375	
13	Chi cục kiểm lâm (biên chế sự nghiệp)	96				96	89				89	96				96	
14	Các trạm trực thuộc Chi cục thú y	68				68	66				66	68				68	
15	Các trạm trực thuộc Chi cục bảo vệ thực vật	44				44	40				40	44				44	
16	Chi cục Phát triển nông thôn (biên chế SN)	17				17	14				14	17				17	
17	Trung tâm khuyến nông - khuyến ngư (Kể cả BQL Dự án ĐT, XD NLNghiệp)	52				52	45				45	52				52	

TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	Biên chế giao năm 2013					Biên chế T/h đến 30/9/2013					Kế hoạch biên chế 2014					Ghi chú
		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				
			SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế	SN khác		SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế	SN khác		SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế	SN khác	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
18	Trung tâm giống cây trồng vật nuôi	7				7	7				7	7					7
19	Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT	10				10	10				10	10					10
20	Ban QL rừng phòng hộ đầu nguồn Thạch Nham	38				38	29				29	38					38
21	Văn phòng Ban chỉ huy PCLB (CCCTL&PCLB)	4				4	3				3	4					4
22	Trung tâm giống thủy sản	11				11	11				11	11					11
23	Phòng thí nghiệm (thuộc CC QL CL - NLTS)	4				4	4				4	4					4
24	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh	5				5	0				0	5					5
25	Ban QL các cảng cá và khu neo đậu trú bão	16				16	14				14	16					16
26	VP điều phối CTMTQG xây dựng NThôn mới	3				3	3				3	3					3
	Sở Tài nguyên và Môi trường	30	0	0	0	30	27	0	0	0	27	30	0	0	0	0	30
27	Trung tâm Phát triển quỹ đất	8				8	8				8	8					8
28	Trung Công nghệ Thông tin TN và MT	9				9	8				8	9					9
29	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất	12				12	10				10	12					12
30	Biên chế SN thuộc Chi cục Biển và Hải đảo	1				1	1				1	1					1
	Sở Giao thông vận tải	4	0	0	0	4	1	0	0	0	1	4	0	0	0	0	4
31	Quỹ bảo trì đường bộ	4				4	1				1	4					4
	Sở Văn hoá -Thể thao và du lịch	181	20	157	0	4	166	19	143	0	4	181	20	157	0	4	
32	Trung tâm Phát hành phim và chiếu bóng	30		30			29		29			30		30			
33	Đoàn ca múa nhạc dân tộc	22		22			22		22			22		22			
34	Tạp chí Cẩm thành	5		5			4		4			5		5			
35	Trung tâm Văn hoá	23		23			20		20			23		23			
36	Thư viện tổng hợp tỉnh	19		19			19		19			19		19			
37	Bảo tàng tổng hợp tỉnh	22		22			19		19			22		22			
38	Ban QL KCT Sơn Mỹ	14		14			12		12			14		14			
39	Trung tâm huấn luyện và thi đấu TDTT	22		22			18		18			22		22			
40	Trường năng khiếu nghiệp vụ TDTT	20	20				19	19				20	20				
41	Sự nghiệp xúc tiến du lịch	4				4	4				4	4					4
	Sở Thông tin và truyền thông	16	0	0	0	16	16	0	0	0	16	16	0	0	0	0	16
42	Trung tâm công nghệ thông tin và Truyền thông	16				16	16				16	16					16

TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	Biên chế giao năm 2013				Biên chế T/h đến 30/9/2013				Kế hoạch biên chế 2014				Ghi chú			
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó						
			SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế khác		SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế khác		SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế khác				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Sở Khoa học và Công nghệ	32	0	0	0	32	32	0	0	0	32	32	0	0	0	32	
43	Trung tâm Thông tin và Ứng dụng KHCN	18				18	18				18	18				18	
44	Trung tâm kỹ thuật TC ĐL chất lượng	14				14	14				14	14				14	
	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	8	0	0	0	8	8	0	0	0	8	8	0	0	0	8	
45	Biên chế sự nghiệp thuộc Ban quản lý các KCN	8				8	8				8	8				8	
	Sở Công Thương	16	0	0	0	16	16	0	0	0	16	16	0	0	0	16	
46	Trung tâm khuyến công và Xúc tiến thương mại	15				15	15				15	15				15	
47	Ban Quản lý dự án năng lượng nông thôn II	1				1	1				1	1				1	
	Sở Tư pháp	44	0	0	0	44	33	0	0	0	33	44	0	0	0	44	
48	Trung tâm trợ giúp pháp lý	26				26	18				18	26				26	
49	Phòng Công chứng số 1	7				7	7				7	7				7	
50	Trung tâm bán đấu giá tài sản	11				11	8				8	11				11	
	Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất	131	26	13	0	92	127	25	12	0	90	131	26	13	0	92	
51	Ban Quản lý phát triển đô thị Vạn Tường	20				20	20				20	20				20	
52	Trung tâm đào tạo nghề kỹ thuật cao Dung Quất	26	26				25	25				26	26				
53	BQL RPH môi trường, cảnh quan Dung Quất	6				6	6				6	6				6	
54	Trung tâm Phát triển quỹ đất Dung Quất	47				47	46				46	47				47	
55	Trung tâm hỗ trợ kỹ thuật Nông - Lâm nghiệp	19				19	18				18	19				19	
56	Trung tâm Văn hoá - Thể thao Dung Quất	13		13			12		12			13		13			
	Sở Ngoại vụ	3	0	0	0	3	0	0	0	0	0	3	0	0	0	3	
57	Trung tâm Dịch thuật (BS N/vụ dịch vụ ĐN)	3				3						3					3
	Sở Xây dựng	4	0	0	0	4	4	0	0	0	4	4	0	0	0	4	
58	Trung tâm Quy hoạch & Kiểm định CLCTXD	4				4	4				4	4				4	
	Sở Kế hoạch và Đầu tư	17	0	0	0	17	15	0	0	0	15	17	0	0	0	17	
59	Trung tâm xúc tiến đầu tư	17				17	15				15	17				17	
60	Sở Giáo dục và Đào tạo	3131	3131				3019	3019				3131	3131				
61	Sở Y tế	3295			3295		2848			2848		3295			3295		Kể cả 147 biên chế ở 21 Trạm y tế xã có HSKV từ 0,5 trở lên
62	Trường đại học Phạm Văn Đồng	351	346			5	304	299			5	351	346			5	

TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	Biên chế giao năm 2013					Biên chế T/h đến 30/9/2013					Kế hoạch biên chế 2014					Ghi chú
		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				
			SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế	SN khác		SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế	SN khác		SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế	SN khác	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
63	Trường cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm	50	50				47	47				50	50				
64	Đài phát thanh truyền hình	105		105			103		103			105		105			
65	Quý phát triển đất tỉnh Quảng Ngãi	7				7	6				6	7					7
66	Liên minh các hợp tác xã	13				13	12				12	13					13
67	Văn phòng Ban An toàn giao thông	3				3	2				2	3					3
68	Trung tâm dạy nghề phụ nữ	5	5				5	5				5	5				Biên chế hỗ trợ
69	Liên hiệp các Hội KH-KT	9				9	7				7	9					9
70	Hội Văn học nghệ thuật	6		6			5		5			6		6			
71	Hội chữ thập đỏ	10				10	9				9	10					10
72	Hội đông y	3				3	3				3	3					3
73	Hội người mù	3				3	3				3	3					3
74	Hội nhà báo	3		3			3		3			3		3			
75	Hội khuyến học	3				3	2				2	3					3
76	Hội nạn nhân chất độc da cam/dioxin	3				3	3				3	3					3
77	Trung tâm dạy nghề thanh niên	3	3				3	3				3	3				Biên chế hỗ trợ
78	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	2				2	2				2	2					2
79	Nhà Thiếu nhi thuộc Tỉnh đoàn	3				3	3				3	3					3
80	Hội Luật gia	3				3	3				3	3					3
81	Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ ND tỉnh	3	3				0				0	3	3				Biên chế hỗ trợ
II	CẤP HUYỆN, THÀNH PHỐ	16928	16121	270	63	474	15470	14848	210	47	365	16928	16121	270	63	474	
1	Thành phố Quảng Ngãi	1299	1215	31	4	49	1270	1200	25	2	43	1299	1215	31	4	49	
2	Huyện Bình Sơn	2246	2178	16	3	49	2039	1983	12	2	42	2246	2178	16	3	49	
3	Huyện Sơn Tịnh	2136	2089	14	5	28	2016	1976	14	5	21	2136	2089	14	5	28	
4	Huyện Tư Nghĩa	1868	1820	17	4	27	1720	1680	16	3	21	1868	1820	17	4	27	
5	Huyện Nghĩa Hành	1124	1077	16	3	28	1074	1042	12	2	18	1124	1077	16	3	28	
6	Huyện Mộ Đức	1643	1589	16	5	33	1420	1375	13	4	28	1643	1589	16	5	33	
7	Huyện Đức Phổ	1698	1629	19	4	46	1454	1411	15	3	25	1698	1629	19	4	46	
8	Huyện Trà Bồng	724	658	23	7	36	692	637	16	6	33	724	658	23	7	36	
9	Huyện Sơn Tây	609	560	18	5	26	569	521	17	5	26	609	560	18	5	26	

T	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	Biên chế giao năm 2013					Biên chế T/h đến 30/9/2013					Kế hoạch biên chế 2014					Ghi chú
		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				
			SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế	SN khác		SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế	SN khác		SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế	SN khác	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
10	Huyện Sơn Hà	1156	1110	19	5	22	1109	1071	14	3	21	1156	1110	19	5	22	
11	Huyện Minh Long	419	366	14	5	34	360	330	9	2	19	419	366	14	5	34	
12	Huyện Ba Tơ	1097	1026	20	4	47	900	845	17	4	34	1097	1026	20	4	47	
13	Huyện Lý Sơn	354	299	31	4	20	315	282	18	3	12	354	299	31	4	20	
14	Huyện Tây Trà	555	505	16	5	29	532	495	12	3	22	555	505	16	5	29	
III	Thực hiện Đề án của Tỉnh ủy (Đề án 8738)	4	0	0	0	4	4	0	0	0	4	4	0	0	0	4	
1	Một số xã, thị trấn thuộc huyện Tư Nghĩa	4				4	4				4	4				4	
IV	Biên chế dự phòng	89										89					
V	Biên chế thực hiện Đề án của Tỉnh ủy	200										200					
TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V)		25305	19780	554	3358	1324	22801	18334	476	2895	1096	25305	19780	554	3358	1324	



QUANG NAM-ĐÀ NẴNG
BAN NHÂN DÂN CHỦ TỊCH

Cao Khoa

KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC HÀNH CHÍNH NĂM 2014 CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Tờ trình số 4671/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2013

của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Biên chế được giao năm 2013	Có mặt đến ngày 30/9/2013	Kế hoạch biên chế năm 2014	Ghi chú
A	B	1	2	3	4
I	CẤP TỈNH	1310	1255	1432	
1	Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh	32	28	34	Trong đó Đoàn Đại biểu QH 06 người
2	Văn phòng UBND tỉnh	58	56	58	
3	Thanh tra tỉnh	40	38	42	
4	Sở Kế hoạch và đầu tư	45	42	48	
5	Sở Tài chính	59	59	66	
6	Sở Công Thương	103	102	122	Kể cả Chi cục Quản lý thị trường
7	Sở Nông nghiệp và PTNT	56	53	60	
	Các Chi cục trực thuộc Sở NN&PTNT	198	197	210	
8	Sở Tài nguyên và Môi trường	64	62	69	Kể cả Chi cục Bảo vệ môi trường
9	Sở Giao thông vận tải	76	73	85	Kể cả Thanh tra Sở GTVT và VP Ban ATGT
10	Sở Xây dựng	41	39	47	
11	Sở Khoa học và Công nghệ	38	38	42	Kể cả Chi cục Tiêu chuẩn - ĐL - CL
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	52	48	56	
13	Sở Y tế	64	61	74	Kể cả CC DS-KHHGD và CCVSATTP
14	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	48	44	52	
15	Sở Lao động - Thương binh và XH	42	40	49	
16	Sở Tư pháp	34	31	35	
17	Sở Nội vụ	73	70	82	Kể cả Ban Tôn giáo, Ban Thi đua - KT và Chi Cục Văn thư - Lưu trữ
18	Ban Dân tộc	19	18	21	
19	Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất	96	86	96	Kể cả Ban QL phát triển đô thị Vạn Tường
20	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	28	27	32	
21	Sở Thông tin và Truyền thông	25	25	30	
22	Sở Ngoại vụ	19	18	22	

TT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Biên chế được giao năm 2013	Có mặt đến ngày 30/9/2013	Kế hoạch biên chế năm 2014	Ghi chú
A	B	1	2	3	4
II	CẤP HUYỆN, THÀNH PHỐ	1124	1080	1213	
1	Huyện Bình Sơn	92	90	101	
2	Huyện Sơn Tịnh	90	90	95	
3	Thành phố Quảng Ngãi	99	96	120	
4	Huyện Tư Nghĩa	89	87	95	
5	Huyện Nghĩa Hành	75	73	80	
6	Huyện Mộ Đức	90	88	95	
7	Huyện Đức Phổ	89	80	96	
8	Huyện Trà Bồng	77	74	81	
9	Huyện Sơn Tây	67	66	73	
10	Huyện Sơn Hà	79	76	83	
11	Huyện Minh Long	66	63	70	
12	Huyện Ba Tơ	87	80	90	
13	Huyện Lý Sơn	58	57	64	
14	Huyện Tây Trà	66	60	70	
III	BIÊN CHẾ DỰ PHÒNG	19		26	
	TỔNG CỘNG (I + II + III)	2453	2335	2671	


 ỦY BAN NHÂN DÂN
 CHỦ TỊCH
 Cao Khoa